

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Sau khi thực hiện hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, trong bối cảnh thực tế có sự thay đổi về yêu cầu nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới;

- Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 300-TB/TU ngày 09/3/2026 về việc dừng thực hiện Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024 và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 16/5/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai đầy đủ, nghiêm túc Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự

ng nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Quyết định 709/QĐ-TTg). Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Quyết định 709/QĐ-TTg.

- Xác định rõ trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị của thành phố tổ chức triển khai, đánh giá việc thực hiện Quyết định 709/QĐ-TTg, nhằm tiếp tục phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo gắn kết nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Yêu cầu

- Tập trung nguồn lực, phân đầu đạt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về khoa học và công nghệ; việc triển khai kế hoạch phải gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong bối cảnh, tình hình mới.

- Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị của thành phố triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, thiết thực, phù hợp với đặc thù của địa phương, góp phần vào kết quả chung của thành phố. Tăng cường sự phối hợp liên ngành, giữa các ngành với các địa phương, với các cơ quan, đơn vị.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1.1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị, ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, xác định phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ trung tâm trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo nền tảng để thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Nghiêm túc tổ chức triển khai, nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Quyết định 709/QĐ-TTg trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền đến công chức, viên chức, người lao động và đối tượng quản lý.

1.2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Quyết định số 709/QĐ-TTg và các văn kiện của Đảng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các cơ quan truyền thông, báo chí làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các

phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí quan trọng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành phố trong tình hình mới.

1.3. Sở Khoa học và Công nghệ tăng cường công tác truyền thông về khoa học và công nghệ trên các nền tảng số về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được giao quản lý; Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đa dạng, ngắn gọn, dễ tiếp cận.

2. Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế, phương thức quản lý tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ.

2.1. Tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật liên quan về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.

2.2. Tiếp tục nghiên cứu đề xuất chính sách đặc thù phát triển khoa học và công nghệ thành phố; trong đó tập trung vào các chính sách:

- Chính sách khuyến khích, thúc đẩy gắn kết viện, trường với doanh nghiệp để đưa kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh;

- Chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, tạo sản phẩm mới (trong đó có hỗ trợ các hợp tác xã, kinh tế tập thể, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo);

- Chính sách khuyến khích doanh nghiệp thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển, cơ sở đào tạo nhân lực chất lượng cao.

- Chính sách hỗ trợ về đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Chính sách đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và các ngành kinh tế chủ lực thành phố.

2.3. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.4. Triển khai hiệu quả các cơ chế chính sách đặc thù về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng. Kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nếu có các vấn đề mới phát sinh. Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố cụ

thể hóa Nghị quyết 226/2025/QH15 trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, gắn việc triển khai các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố cụ thể hóa Nghị quyết 226/2025/QH15 trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với việc triển khai các nhiệm vụ.

3. Củng cố, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ.

3.1. Xây dựng và triển khai Chương trình Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học công nghệ của thành phố theo quy hoạch, bảo đảm tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực nghiên cứu.

3.3. Đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm thu hút nguồn lực trong và ngoài thành phố. Thực hiện cổ phần hóa Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hải Phòng theo kế hoạch chung của thành phố.

3.4. Triển khai dự án nâng cấp dự án đầu tư công “Nâng cao năng lực và cơ sở vật chất cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Ứng dụng khoa học- công nghệ Hải Phòng” sau khi cấp có thẩm quyền đồng ý về chủ trương.

3.5. Triển khai Chương trình Khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030. Củng cố, tăng cường tiềm lực cho các tổ chức khoa học và công nghệ biển.

3.6. Hoàn thành xây dựng “Đề án Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hải Phòng”.

3.7. Hoàn thành xây dựng “Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ Biển”.

3.8. Xây dựng và ban hành “Kế hoạch hành động phát triển đội ngũ trí thức thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

3.9. Xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu thông tin khoa học công nghệ tổng hợp của thành phố. Chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ, đặc biệt là hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học công nghệ.

3.10. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số đáp ứng nhu cầu của thực tiễn.

3.11. Ban hành và triển khai Quyết định Quy định về Giải thưởng thành phố Hải Phòng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3.12. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư cho khoa học và công nghệ, trong đó chú trọng khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thành lập, ban hành điều lệ, quy chế đầu tư của Quỹ đầu tư mạo hiểm. Kiện toàn Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ hai địa phương sau hợp nhất.

3.13. Bố trí kinh phí dành cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cao hơn dự toán Trung ương giao, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, phấn đấu đến năm 2030 đạt 3% tổng chi ngân sách địa phương.

3.14. Hình thành một số nhóm nghiên cứu mạnh cấp thành phố với sự tham gia của các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước trong các lĩnh vực: Công nghệ biển, trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa cảng, vật liệu mới.

4. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4.1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026- 2030. Phấn đấu đến năm 2030 kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%.

4.2. Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho việc nghiên cứu, đăng tải các bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín, việc đăng ký và công nhận sáng chế hữu ích, gắn với phát triển thành phố. Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

4.3. Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết, phát triển kinh tế - xã hội thành phố (kinh tế biển, công nghiệp - công nghệ cao, chuyển đổi số, logistics, du lịch, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...). Đẩy mạnh và ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào phát triển các ngành kinh tế chủ lực, kinh tế xanh, bảo vệ môi trường của thành phố.

5. Đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ.

5.1. Kế hoạch thực hiện Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2026-2030 sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5.2. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào thành phố Hải Phòng trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên, giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

5.3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, các dự án đầu tư nước ngoài, để ngăn chặn việc ứng dụng, chuyển giao, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

5.4. Triển khai Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng và triển khai lộ trình đổi mới công nghệ đối với các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Hải Phòng đến năm 2035.

6. Tăng cường hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất chất lượng cho sản phẩm, hàng hóa.

6.1 Triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2030 đảm bảo thiết thực, hiệu quả, gắn với đặc thù của thành phố sau hợp nhất.

6.2. Ban hành và triển khai Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng thành phố Hải Phòng.

6.3. Ban hành và triển khai Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quy định về việc xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6.4. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, nhất là các sản phẩm đặc sản, làng nghề của thành phố. Triển khai sâu rộng các hoạt động sáng tạo tạo ra tài sản trí tuệ, hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trên địa bàn thành phố.

6.5. Vận hành và nâng cao chất lượng hoạt động của Điểm tư vấn, tra cứu về sở hữu trí tuệ (Trạm IP Platform) tại Hải Phòng.

6.6. Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về Tổng thể nâng cao năng suất và chất lượng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

6.7. Thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nâng cao năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, đảm bảo đo lường trong doanh nghiệp thành phố Hải Phòng.

6.8. Xây dựng và phê duyệt Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ chuyên gia về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng của thành phố đến năm 2030 và Đề án tăng cường hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của thành phố.

7. Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

7.1. Nâng cao năng lực của tổ chức trung gian thị trường khoa học công nghệ góp phần phát triển tổ chức trung gian thị trường khoa học công nghệ, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

7.2. Tiếp tục triển khai các phiên kết nối cung cầu công nghệ, đặc biệt là kết nối cung cầu công nghệ với các đối tác có thế mạnh về các lĩnh vực công nghệ mà thành phố ưu tiên phát triển. Tiếp tục vận hành hiệu quả sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến.

7.3. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch Phát triển thị trường khoa học công nghệ thành phố đến năm 2030.

8. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

8.1. Ban hành và triển khai Kế hoạch của UBND thành phố về phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 (sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ).

8.2. Hỗ trợ ươm tạo các ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các hoạt động đào tạo về đổi mới sáng tạo; trong đó, tập trung vào các trường đại học, cao đẳng, tổ chức và doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố.

8.3. Tiếp tục vận hành hiệu quả Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khu hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố.

8.4. Khuyến khích và hỗ trợ các viện, trường, các nhà đầu tư, doanh nghiệp thành lập, phát triển các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, vườn ươm công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp, câu lạc bộ khởi nghiệp, trong đó, tập trung vào các trường đại học, cao đẳng, tổ chức và doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố.

8.5. Tổ chức và tham gia các sự kiện kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố với các thành phần hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước. Tổ chức ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố hằng năm; thí điểm tổ chức Diễn đàn kết nối mạng lưới khởi nghiệp trong nước và Hội thảo quốc tế về đầu tư cho khởi nghiệp.

8.6. Báo cáo đề xuất và triển khai xây dựng Công viên khoa học và Đổi mới sáng tạo.

8.7. Ban hành kế hoạch nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của thành phố và kế hoạch hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố (sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ).

9. Đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ.

9.1. Ban hành Chương trình đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 (sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ).

9.2. Tăng cường các hoạt động hợp tác với các địa phương, tổ chức trong nước, các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng

tạo và chuyển đổi số; đồng thời, thu hút các nguồn lực, chuyên gia, cán bộ khoa học và công nghệ là người nước ngoài tại Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp vào sự phát triển về khoa học và công nghệ.

9.3. Xúc tiến, thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố có công nghệ cao, công nghệ tiên tiến góp phần đổi mới và thúc đẩy chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp Hải Phòng. Chú trọng khai thác, chuyển giao công nghệ từ các nước có công nghệ nguồn để rút ngắn khoảng cách, nâng cao trình độ, năng lực khoa học và công nghệ trong nước. Tăng cường giới thiệu, hỗ trợ, xúc tiến, thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế lớn đầu tư vào các dự án công nghệ cao, các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ.

9.4. Thường xuyên tổ chức các hoạt động triển lãm, diễn đàn, sàn giao dịch công nghệ để giới thiệu, chuyển giao kết quả nghiên cứu, công nghệ trong và ngoài nước.

9.5. Tổ chức đoàn tìm kiếm, khảo sát, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các quốc gia có trình độ phát triển cao, nhất là các nước đối tác toàn diện với Việt Nam.

10. Thúc đẩy chuyển đổi số gắn kết với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

10.1. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

10.2. Trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số thành phố giai đoạn 2026-2030.

10.3. Xây dựng Kế hoạch khoa học và công nghệ thành phố giai đoạn 2026-2030 (sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ). Xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số thành phố giai đoạn 2026 – 2030 và Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của thành phố.

10.4. Phát triển hạ tầng số đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số. Tiếp tục triển khai các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố: Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 15/9/2025 triển khai hạ tầng 5G, internet vạn vật (IoT) trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 22/10/2025 triển khai “Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia .vn” giai đoạn 2025 - 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 317/KH-UBND ngày 02/12/2025 Phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 11/12/2025 triển khai Chương trình khuyến khích doanh nghiệp

khu vực tư nhân tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

10.5. Quản lý, vận hành, nâng cấp, mở rộng Trung tâm dữ liệu, nghiên cứu xây dựng trung tâm tính toán hiệu năng cao, hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của thành phố.

10.6. Hỗ trợ, phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số của hệ thống các tổ chức trung gian khoa học công nghệ, các tổ chức, doanh nghiệp khoa học công nghệ của thành phố. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa trong sản xuất, kinh doanh và phát triển sản phẩm mới.

10.7. Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trong các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Ủy ban nhân dân thành phố phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ngành, đơn vị được giao các nhiệm vụ cụ thể, căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, bảo đảm tiến độ, chất lượng. Các Sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào các kế hoạch công tác năm, kế hoạch về khoa học và công nghệ hằng năm tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

2. Định kỳ hằng năm trước ngày 15/12, các cơ quan, đơn vị rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện (gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp).

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (trước hợp nhất) về việc thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị và Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng và Kế hoạch số 4623/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (trước hợp nhất) về việc thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục

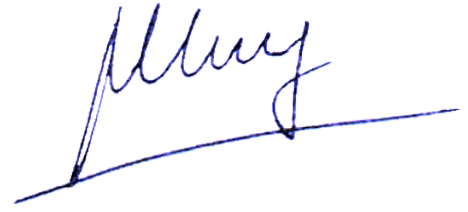
vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các Ban Thành ủy;
- Các Ban HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các tổ chức KH&CN;
- Các viện nghiên cứu, trường đại học trên địa bàn;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: VX, NV& KTGS;
- Lưu: VT, N.T.C.Lai.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung công việc	Kết quả/sản phẩm dự kiến	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I. TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ						
1.1	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Tổ chức nghiên cứu, quán triệt các nội dung Quyết định số 709/QĐ-TTg.	Báo cáo kết quả	Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị		Thường xuyên	
1.2	Thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí quan trọng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội thành phố trong tình hình mới. Trong đó tập trung tuyên truyền các chủ trương, đường lối, văn kiện của Đảng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Báo cáo kết quả (nêu rõ số lượng tin bài, số cuộc tuyên truyền...)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ủy ban MTTQ Việt nam thành phố, các tổ chức chính trị-xã hội; các sở ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu, các đoàn thể, các đơn vị, các cơ quan	Thường xuyên	

				truyền thông, thông tấn báo chí.		
1.3	Truyền thông về khoa học và công nghệ trên các nền tảng số về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số được giao quản lý; Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số dưới dạng dễ tiếp cận.	Báo cáo kết quả (nêu rõ số lượng tin bài, hoàn thành xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị, các cơ quan truyền thông, thông tấn báo chí.	Thường xuyên	
II. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI ĐỒNG BỘ CƠ CHẾ, PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						
2.1	Rà soát các quy định của pháp luật liên quan về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.	Báo cáo, đề xuất	Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
2.2	Tiếp tục nghiên cứu đề xuất chính sách đặc thù phát triển khoa học và công nghệ thành phố	Báo cáo, đề xuất	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Thường xuyên	
2.3	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hải Phòng đến	Báo cáo	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Thường xuyên	

	năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.					
2.4	Triển khai hiệu quả các cơ chế chính sách đặc thù về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng. Kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nếu có các vấn đề mới phát sinh.	Báo cáo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Thường xuyên	
2.5	Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố cụ thể hóa Nghị quyết 226/2025/QH15 trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, gắn việc triển khai các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố cụ thể hóa Nghị quyết 226/2025/QH15 trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với việc triển khai các nhiệm vụ	Kế hoạch/Báo cáo kết quả triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Ban hành Kế hoạch trong năm 2026. Triển khai thường xuyên hằng năm.	
III. Củng cố, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ						
3.1	Ban hành Chương trình Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030	Tờ trình kèm dự thảo Chương trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Trong năm 2026	Sau khi có hướng dẫn của Bộ

				liên quan		Khoa học và Công nghệ
3.2	Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ của thành phố theo quy hoạch. Đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.	Báo cáo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	
3.3	Triển khai cổ phần hóa Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hải Phòng theo kế hoạch được phê duyệt	Báo cáo	Sở Tài chính	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan	Năm 2026	
3.4	Triển khai dự án nâng cấp dự án đầu tư công “Nâng cao năng lực và cơ sở vật chất cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Ứng dụng khoa học- công nghệ Hải Phòng” sau khi cấp có thẩm quyền đồng ý về chủ trương.	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và báo cáo kết quả triển khai thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	2026 – 2030	Sau khi có ý kiến đồng ý của cấp có thẩm quyền
3.5	Triển khai Chương trình Khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030. củng cố, tăng cường tiềm lực cho các tổ chức khoa học và công nghệ biển.	Ban hành Kế hoạch triển khai (cấp Sở) và báo cáo kết quả triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Ban hành Kế hoạch triển khai trong năm 2026 và triển khai hằng năm	
3.6	Hoàn thành xây dựng “Đề án Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân	Báo cáo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Trong quý I năm 2026.	

	tại Hải Phòng”.			liên quan		
3.7	Hoàn thành xây dựng “Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ Biển”.	Báo cáo kèm hồ sơ trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trong năm 2026	Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ
3.8	Xây dựng và ban hành “Kế hoạch hành động phát triển đội ngũ trí thức thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.	Tờ trình kèm dự thảo Kế hoạch	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trong quý I năm 2026	
3.9	Xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu thông tin khoa học công nghệ tổng hợp của thành phố. Chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ, đặc biệt là hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học công nghệ.	Khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu thông tin khoa học công nghệ tổng hợp, hàng năm cập nhật bổ sung ít nhất 1.000 biểu ghi thông tin khoa học và công nghệ, dự kiến phục vụ khoảng 10.000 lượt truy cập khai thác thông tin mỗi năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, thành phố; UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	
3.10	Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ	100% cán bộ, công	Sở Khoa học và	Các xã, phường, đặc	Trong năm 2026	

	quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng nhu cầu của thực tiễn.	chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới; có khả năng vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trong công việc hàng ngày, đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.	Công nghệ	khu		
3.11	Ban hành và triển khai Quyết định Quy định về Giải thưởng thành phố Hải Phòng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Tờ trình kèm hồ sơ dự thảo Quyết định; Báo cáo kết quả hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trình Quyết định trong tháng 4 năm 2026; triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030	
3.12	Thành lập và ban hành điều lệ, quy chế đầu tư của Quỹ đầu tư mạo hiểm	Tờ trình kèm hồ sơ dự thảo Quyết định thành lập và ban hành điều lệ, quy chế đầu tư của Quỹ đầu tư mạo hiểm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trong quý I năm 2026	

3.13	Kiện toàn Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ hai địa phương sau hợp nhất	Tờ trình kèm hồ sơ dự thảo Quyết định kiện toàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trong năm 2026	
3.14	Bố trí kinh phí dành cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cao hơn dự toán Trung ương giao, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, phấn đấu đến năm 2030 đạt 3% tổng chi ngân sách địa phương	Báo cáo kết quả chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Tài chính	Sở Khoa học Công nghệ; Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	
3.15	Hình thành một số nhóm nghiên cứu mạnh cấp thành phố với sự tham gia của các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước trong các lĩnh vực: Công nghệ biển, trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa cảng, vật liệu mới	Báo cáo kết quả	Các cơ sở giáo dục Đại học trên địa bàn	Sở Khoa học Công nghệ; Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	
IV. THÚC ĐẨY NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ						
4.1	Ban hành và triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030	Tờ trình kèm dự thảo Chương trình; Báo cáo kết quả hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trình Chương trình sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ	

					nghệ; triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030	
4.2	Phân đầu đến năm 2030 kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%.	Báo cáo kết quả chi cho cho nghiên cứu phát triển (R&D)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	
4.3	Số lượng công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được triển khai hàng năm.	Đạt trên 50 nhiệm vụ vào năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	
4.4	Số lượng công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu hàng năm.	Đạt trên 40 nhiệm vụ vào năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	
4.5	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	Tối thiểu đạt 60% vào năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	
4.6	Số lượng bài báo khoa học (Scopus/ISI) có địa chỉ tác giả tại thành phố/năm.	Đạt trên 150 bài báo vào năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	
V. ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM, CHUYỂN GIAO, ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ						
5.1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực	Tờ trình kèm dự thảo Kế hoạch;	Sở Khoa học và	Các Sở, ban, ngành, đơn vị,	Trình Kế hoạch sau khi	

	hiện Chương trình Đổi mới công nghệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.	Báo cáo kết quả hằng năm	Công nghệ	địa phương liên quan	có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030	
5.2	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào thành phố Hải Phòng trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên, giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Báo cáo hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hằng năm	
5.3	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, các dự án đầu tư nước ngoài	Tối thiểu 50 % hồ sơ giải quyết TTHC cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ được trả trước hạn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hằng năm	
5.4	Triển khai Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng và triển khai lộ trình đổi mới công nghệ đối với các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Hải Phòng đến năm 2035.	Báo cáo kết quả theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan theo phân công nhiệm vụ tại Kế hoạch số 16/KH-UBND	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	2026 - 2035	

			ngày 15/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố			
VI. TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ, NÂNG CAO NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA						
6.1	Triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2030.	Báo cáo kết quả hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	
6.2	Ban hành và triển khai Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng thành phố Hải Phòng.	Tờ trình kèm hồ sơ dự thảo Quyết định; Báo cáo kết quả hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trình Quyết định trong tháng 6 năm 2026; triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030	
6.3	Ban hành và triển khai Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quy định về việc xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	Tờ trình kèm hồ sơ dự thảo Quyết định; Báo cáo kết quả hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trình Quyết định trong quý III năm 2026; triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030	
6.4	Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký	Số đơn đăng ký sở	Sở Khoa học	Các Sở, ban, ngành, đơn vị,	Giai đoạn	

	bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, nhất là các sản phẩm đặc sản, làng nghề của thành phố. Triển khai sâu rộng các hoạt động sáng tạo tạo ra tài sản trí tuệ, hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trên địa bàn thành phố.	hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)/năm đạt tối thiểu 40 đơn vào năm 2030.	và Công nghệ	địa phương liên quan	2026 - 2030	
6.5	Vận hành và nâng cao chất lượng hoạt động của Điểm tư vấn, tra cứu về sở hữu trí tuệ (Trạm IP Platform) tại Hải Phòng.	Báo cáo kết quả triển khai Trạm IP Platform hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hằng năm	
6.6	Triển khai hiệu quả Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về Tổng thể nâng cao năng suất và chất lượng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.	Báo cáo kết quả hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hằng năm	
6.7	Thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nâng cao năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, đảm bảo đo lường trong doanh nghiệp thành phố Hải Phòng.	Báo cáo kết quả hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hằng năm	

6.8	Xây dựng và phê duyệt Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ chuyên gia về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng của thành phố đến năm 2030 và Đề án tăng cường hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của thành phố.	Tờ trình kèm hồ sơ đề dự thảo Đề án	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Năm 2026	
VII. PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						
7.1	Nâng cao năng lực của tổ chức trung gian thị trường khoa học công nghệ.	01 lớp đào tạo về nghiệp vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, định giá công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 – 2030	
7.2	Tổ chức các phiên kết nối cung cầu công nghệ	Tổ chức thành công tối thiểu 02 phiên/năm, trong đó có tối thiểu 01 phiên với các đối tác nước ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	
7.3	Vận hành hiệu quả sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến	Duy trì tối thiểu 2500 thông tin công nghệ, 200 nhà cung cấp trên Sàn; trên 4.000 lượt truy cập/tháng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	
7.4	Triển khai thực hiện Kế hoạch Phát triển thị trường khoa học công nghệ	Báo cáo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	

	thành phố đến năm 2030		Công nghệ	địa phương liên quan		
VIII. PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO						
8.1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030	Tờ trình kèm dự thảo Kế hoạch; Báo cáo kết quả hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trình Kế hoạch sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030	
8.2	Hỗ trợ ươm tạo các ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các hoạt động đào tạo về đổi mới sáng tạo; trong đó, tập trung vào các trường đại học, cao đẳng, tổ chức và doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố.	Hỗ trợ tối thiểu 05 dự án/ý tưởng khởi nghiệp/năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, các trường Đại học, các địa phương liên quan	Hằng năm	
8.3	Tiếp tục vận hành hiệu quả Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khu hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố	Cập nhật tối thiểu 200 tin, 180 hình ảnh - video các thông tin, tin tức, sự kiện, tài liệu về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hằng năm	
8.4	Khuyến khích và hỗ trợ các viện, trường, các nhà đầu tư, doanh nghiệp	Hỗ trợ tối thiểu 01 trung tâm khởi	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị,	Hằng năm	

	thành lập, phát triển các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, vườn ươm công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp, câu lạc bộ khởi nghiệp, trong đó, tập trung vào các trường đại học, cao đẳng, tổ chức và doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố.	ngành đổi mới sáng tạo trong trường Đại học; tổ chức tối thiểu 02 phiên kết nối khởi nghiệp/năm.	Công nghệ	địa phương liên quan		
8.5	Tổ chức ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố hằng năm;	Tổ chức thành công Techfest Hải Phòng hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hằng năm	
8.6	Tổ chức Diễn đàn kết nối mạng lưới khởi nghiệp trong nước và Hội thảo quốc tế về đầu tư cho khởi nghiệp.	Tổ chức 01 Diễn đàn kết nối mạng lưới khởi nghiệp trong nước và 01 Hội thảo quốc tế về đầu tư cho khởi nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Năm 2026	
8.7	Báo cáo đề xuất và triển khai xây dựng Công viên khoa học và Đổi mới sáng tạo.	Hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; Báo cáo kết quả triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Báo cáo xin chủ trương đầu tư trong năm 2026; triển khai trong giai đoạn 2026-2030.	
8.8	Ban hành kế hoạch nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của	Tờ trình kèm dự thảo các Kế hoạch	Sở Khoa học và	Sở Tài chính; Các Sở, ban,	Sau khi có hướng dẫn	

	thành phố và kế hoạch hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố		Công nghệ	ngành, đơn vị, địa phương liên quan	của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
IX. ĐẨY MẠNH HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						
9.1	Xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.	Tờ trình kèm dự thảo Chương trình; Báo cáo kết quả hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trình Chương trình sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030	
9.2	Tăng cường các hoạt động hợp tác với các địa phương, tổ chức trong nước, các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời, thu hút các nguồn lực, chuyên gia, cán bộ khoa học và công nghệ là người nước ngoài tại Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp vào sự phát triển về khoa học và công nghệ.	Nghiên cứu xem xét ký kết các hợp tác với các đối tác có năng lực và thành phố có nhu cầu; tổ chức kết nối, làm việc với các chuyên gia, nhà khoa học đóng góp vào sự phát triển về khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ; Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hằng năm	
9.3	Xúc tiến, thu hút các dự án đầu tư trực	Số lượng dự án đầu	Ban Quản lý	Các Sở, ban,	Hằng năm	

	tiếp nước ngoài, chuyên giao và đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp Hải Phòng.	tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào Hải Phòng có chuyên giao công nghệ.	khu kinh tế	ngành, đơn vị, địa phương liên quan		
9.4	Thúc đẩy liên doanh, liên kết, chuyên giao công nghệ giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Thành phố		Ban Quản lý khu kinh tế	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	
9.5	Tổ chức các hoạt động triển lãm, diễn đàn, sàn giao dịch công nghệ để giới thiệu, chuyên giao kết quả nghiên cứu, công nghệ trong và ngoài nước	Tổ chức ít nhất 01 hoạt động/năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	
9.6	Tổ chức đoàn tìm kiếm, khảo sát, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các quốc gia có trình độ phát triển cao, nhất là các nước đối tác toàn diện với Việt Nam	Tổ chức ít nhất 01 đoàn/năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	
9.7	Thực hiện các nội dung về khoa học và công nghệ trong Chương trình Hội nhập kinh tế quốc tế hàng năm	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm	
X. THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ GẮN KẾT VỚI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO						
10.1	Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-	Báo cáo kết quả thực hiện các	Các Sở, ngành, địa		Hàng năm	

	NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	nhiệm vụ, chỉ tiêu giao hàng năm	phương theo phân công nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ		
10.2	Trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số thành phố giai đoạn 2026-2030.	Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Tháng 11/2026	
10.3	Xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số thành phố giai đoạn 2026-2030	Tờ trình kèm dự thảo Kế hoạch; Báo cáo hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trình trong năm 2026; Báo cáo trong tháng 12 hàng năm	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ
10.4	Xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của thành phố.	Tờ trình kèm dự thảo Kế hoạch; Báo cáo hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Trình trong tháng 01 hàng năm; Báo cáo trong tháng 12 hàng năm	
10.5	Tiếp tục triển khai các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố: Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 15/9/2025 triển khai hạ tầng 5G, internet vạn vật (IoT) trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 22/10/2025 triển khai	Hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao trong các kế hoạch; Báo cáo hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Báo cáo trong tháng 12 hàng năm	

	<p>“Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia .vn” giai đoạn 2025 - 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 317/KH-UBND ngày 02/12/2025 Phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 11/12/2025 triển khai Chương trình khuyến khích doanh nghiệp khu vực tư nhân tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</p>					
10.6	<p>Quản lý, vận hành, nâng cấp, mở rộng Trung tâm dữ liệu, nghiên cứu xây dựng trung tâm tính toán hiệu năng cao, hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của thành phố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm dữ liệu bảo đảm lưu trữ, quản lý và vận hành ổn định, an toàn các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố. - Trung tâm tính toán hiệu năng cao có chức năng phục vụ phân tích – tính toán – dự báo dữ 	<p>Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan</p>	<p>2026-2030</p>	

		liệu. - Trung tâm điều hành thông minh thành phố với nền tảng điều hành dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.				
10.7	Triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trong các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.	Báo cáo	Công an thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Thường xuyên	
10.8	Hỗ trợ, phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số của hệ thống các tổ chức trung gian khoa học công nghệ, các tổ chức, doanh nghiệp khoa học công nghệ của thành phố. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa trong sản xuất, kinh doanh và phát triển sản phẩm mới.	Báo cáo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Thường xuyên	